

Tân Hà, Tân Thắng; Bắc giáp huyện Tánh Linh.

chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

5. Thành lập xã Đông Hà thuộc huyện Đức Linh trên cơ sở 3.620 ha diện tích tự nhiên và 7.994 nhân khẩu của xã Trà Tân.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

Địa giới hành chính xã Đông Hà: Đông giáp xã Trà Tân và huyện Tánh Linh; Tây và Nam giáp tỉnh Đồng Nai; Bắc giáp xã Trà Tân.

Sau khi thành lập xã Đông Hà, xã Trà Tân còn lại 3.547,90 ha diện tích tự nhiên và 8.001 nhân khẩu.

6. Thành lập xã Đức Tín thuộc huyện Đức Linh trên cơ sở 2.950 ha diện tích tự nhiên và 9.763 nhân khẩu của xã Đức Hạnh.

Địa giới hành chính xã Đức Tín: Đông giáp thị trấn Đức Tài; Tây giáp tỉnh Đồng Nai; Nam giáp xã Đức Hạnh; Bắc giáp tỉnh Đồng Nai.

Sau khi thành lập xã Đức Tín, xã Đức Hạnh còn lại 4.470 ha diện tích tự nhiên và 8.592 nhân khẩu.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 141/2003/NĐ-CP ngày 20/11/2003 về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nghị định này không quy định đối với:

a) Trái phiếu của các tổ chức tín dụng phát hành theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Trái phiếu của doanh nghiệp phát hành theo phương thức tự vay, tự trả theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Luật Doanh nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trái phiếu Chính phủ là một loại chứng khoán nợ, do Chính phủ phát hành, có thời hạn, có mệnh giá, có lãi, xác nhận nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ đối với người sở hữu trái phiếu.

2. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh là loại chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành nhằm huy động vốn cho các công trình theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ, được Chính phủ cam kết trước các nhà đầu tư về việc thanh toán đúng hạn của tổ chức phát hành. Trường hợp tổ chức phát hành không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi) khi đến hạn thì Chính phủ sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay tổ chức phát hành.

3. Trái phiếu Chính quyền địa phương là một loại chứng khoán nợ, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành, có thời hạn, có mệnh giá, có lãi, xác nhận nghĩa vụ trả nợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với người sở hữu trái phiếu.

4. Tổ chức phát hành là pháp nhân thực hiện vay nợ bằng hình thức phát hành trái phiếu theo quy định của Nghị định này.

5. Phát hành trái phiếu là việc bán trái phiếu cho các đối tượng mua.

6. Bán lẻ trái phiếu là hành vi trực tiếp giao trái phiếu và thu tiền của tổ chức phát hành đối với từng đối tượng mua.

7. Bảo lãnh phát hành là việc tổ chức bảo lãnh giúp tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi phát hành trái phiếu ra thị trường chứng khoán, phân phối trái phiếu cho các nhà đầu tư, nhận mua trái phiếu để bán lại hoặc mua số trái phiếu còn lại chưa phân phối hết.

8. Đấu thầu trái phiếu là việc lựa chọn các tổ chức, cá nhân tham gia dự thầu, đáp ứng đủ các yêu cầu của tổ chức phát hành.

9. Đại lý phát hành là việc tổ chức phát hành ủy thác cho một tổ chức khác thực hiện bán trái phiếu cho các nhà đầu tư.

10. Lưu ký trái phiếu là việc người sở hữu trái phiếu thực hiện ký gửi trái phiếu của mình tại một tổ chức được phép lưu giữ, bảo quản trái phiếu để tổ chức này

thực hiện các quyền đối với trái phiếu cho người sở hữu.

11. Đại lý thanh toán trái phiếu là việc tổ chức phát hành ủy quyền cho tổ chức khác thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

12. Cầm cố là việc chủ sở hữu trái phiếu giao trái phiếu của mình cho một cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự

Điều 3. Chủ thể phát hành trái phiếu

1. Chủ thể phát hành trái phiếu Chính phủ là Chính phủ.

2. Chủ thể phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh là doanh nghiệp.

3. Chủ thể phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Phân loại trái phiếu

1. Trái phiếu Chính phủ, bao gồm:

- a) Tín phiếu Kho bạc.
- b) Trái phiếu Kho bạc.
- c) Trái phiếu công trình trung ương.
- d) Trái phiếu đầu tư.
- đ) Trái phiếu ngoại tệ.
- e) Công trái xây dựng Tổ quốc.

2. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

3. Trái phiếu Chính quyền địa phương.

Điều 5. Đồng tiền phát hành và thanh toán

1. Trái phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi.

2. Việc phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ chỉ áp dụng đối với những trường hợp quy định tại Mục V Chương II của Nghị định này.

3. Đồng tiền sử dụng để thanh toán trái phiếu là cùng loại với đồng tiền khi phát hành.

Điều 6. Hình thức phát hành

Trái phiếu phát hành dưới dạng chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ, có ghi tên hoặc không ghi tên.

Điều 7. Mệnh giá trái phiếu

1. Mệnh giá của trái phiếu phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam được quy định tối thiểu là 100.000 đồng. Mệnh giá cụ thể do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

2. Mệnh giá của trái phiếu phát hành và thanh toán bằng ngoại tệ được quy định cụ thể cho từng lần phát hành.

Điều 8. Đối tượng mua trái phiếu

Đối tượng mua trái phiếu là các tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, các tổ chức, cá nhân nước ngoài làm việc và sinh sống hợp pháp tại Việt Nam. Đối với các tổ chức

của Việt Nam không được dùng nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp để mua trái phiếu Chính phủ.

Điều 9. Phí phát hành, thanh toán trái phiếu

Các tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức làm dịch vụ đấu thầu, đại lý, nhận ủy thác trong việc tổ chức phát hành, thanh toán trái phiếu sẽ được hưởng một khoản phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Các tổ chức bảo lãnh, đại lý phát hành

Tổ chức bảo lãnh hoặc đại lý đối với trường hợp phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành là các Công ty Chứng khoán, Quỹ đầu tư, Công ty tài chính, các ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 11. Niêm yết và giao dịch

1. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính quyền địa phương được mua, bán trên thị trường tiền tệ hoặc chiết khấu, cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Lưu ký, ký gửi trái phiếu

Chủ sở hữu trái phiếu được lưu ký trái phiếu tại các tổ chức được phép lưu ký chứng khoán hoặc được ký gửi tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại để bảo quản. Bộ Tài chính quy định phí lưu ký và ký gửi trái phiếu.

Điều 13. Mua lại trái phiếu của chính tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành được quyền mua lại các trái phiếu đã phát hành trước hạn.

Điều 14. Quyền lợi của chủ sở hữu trái phiếu

1. Được Chủ thể phát hành bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn.

2. Được dùng trái phiếu để bán, tặng, cho, để lại thừa kế hoặc cầm cố, chiết khấu.

3. Được miễn thuế thu nhập đối với khoản thu nhập từ trái phiếu theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Giới hạn thanh toán và lưu thông trái phiếu

Trái phiếu không được dùng để thay thế tiền trong lưu thông hoặc thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước.

Điều 16. Trái phiếu mất, hư hỏng

Trái phiếu làm giả, trái phiếu không ghi tên bị mất hoặc bị rách nát, hư hỏng, không còn giữ được hình dạng, nội dung sẽ không được thanh toán.

Trái phiếu ghi tên bị mất hoặc rách nát, hư hỏng, nếu người làm mất trái phiếu chứng minh được quyền sở hữu trái phiếu của mình và trái phiếu đó chưa bị lợi dụng thanh toán sẽ được tổ chức phát hành thanh toán khi đến hạn.

Điều 17. Làm giả hoặc lợi dụng trái phiếu

Mọi hành vi lợi dụng hoặc làm giả trái phiếu đều bị xử lý theo pháp luật.

Chương II

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Mục I. TÍN PHIẾU KHO BẠC

Điều 18. Tổ chức phát hành và mục đích sử dụng

Tín phiếu kho bạc là loại trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn dưới 01 năm do Kho bạc Nhà nước phát hành nhằm phát triển thị trường tiền tệ và huy động vốn để bù đắp thiếu hụt tạm thời của ngân sách nhà nước trong năm tài chính.

Điều 19. Phương thức phát hành

1. Tín phiếu kho bạc được phát hành theo phương thức đấu thầu.

2. Khối lượng và lãi suất tín phiếu kho bạc hình thành qua kết quả đấu thầu.

3. Bộ Tài chính có thể ủy thác cho Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại

nhà nước phát hành, thanh toán tín phiếu kho bạc.

Điều 20. Đối tượng được tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc

1. Các tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Các công ty bảo hiểm, quỹ bảo hiểm, quỹ đầu tư hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; các chi nhánh quỹ đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Trường hợp các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều này không mua hết khối lượng tín phiếu kho bạc của đợt phát hành thì Ngân hàng Nhà nước được mua phần còn lại.

Điều 21. Sử dụng và thanh toán tín phiếu kho bạc

1. Toàn bộ khoản vay từ tín phiếu kho bạc được tập trung vào ngân sách trung ương để sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách trung ương bảo đảm nguồn thanh toán gốc, lãi tín phiếu kho bạc khi đến hạn và chi phí tổ chức phát hành, thanh toán cho tổ chức nhận ủy thác phát hành.

Mục II. TRÁI PHIẾU KHO BẠC

Điều 22. Tổ chức phát hành và mục đích sử dụng

Trái phiếu kho bạc là loại trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 01 năm trở lên, do Kho bạc Nhà nước phát hành để huy động vốn bù đắp thiếu hụt của ngân sách nhà nước theo dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được Quốc hội quyết định.

Điều 23. Phương thức phát hành

1. Bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.
2. Đấu thầu qua thị trường giao dịch chứng khoán.
3. Bảo lãnh phát hành.
4. Đại lý phát hành.

Điều 24. Đối tượng mua trái phiếu kho bạc

1. Các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 20 của Nghị định này.
2. Các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế của Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế.
3. Các tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Các công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân là người nước ngoài làm việc, sinh sống hợp pháp tại Việt Nam.

Các đối tượng mua trái phiếu theo phương thức đấu thầu qua thị trường giao dịch chứng khoán phải đáp ứng đủ các

điều kiện theo quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Lãi suất trái phiếu kho bạc

Lãi suất trái phiếu kho bạc do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trên cơ sở tình hình thực tế của thị trường tài chính tại thời điểm phát hành. Trường hợp đấu thầu lãi suất thì lãi suất hình thành theo kết quả đấu thầu.

Điều 26. Sử dụng và thanh toán trái phiếu kho bạc

1. Toàn bộ tiền thu từ phát hành trái phiếu kho bạc đều phải tập trung vào ngân sách trung ương để sử dụng theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách trung ương bảo đảm nguồn thanh toán gốc, lãi và phí cho việc tổ chức phát hành, thanh toán trái phiếu kho bạc.

Điều 27. Tổ chức việc thanh toán trái phiếu kho bạc khi đến hạn

1. Kho bạc Nhà nước tổ chức thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho chủ sở hữu khi đến hạn đối với trái phiếu phát hành theo phương thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

2. Các tổ chức tài chính, tín dụng được nhận ủy thác của Bộ Tài chính để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho chủ sở hữu trái phiếu khi đến hạn đối với trái phiếu

kho bạc phát hành theo phương thức đấu thầu, đại lý hoặc bảo lãnh phát hành.

Mục III. TRÁI PHIẾU CÔNG TRÌNH TRUNG ƯƠNG

Điều 28. Tổ chức phát hành và mục đích sử dụng

Trái phiếu công trình trung ương là loại trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do Kho bạc Nhà nước phát hành, nhằm huy động vốn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cho các dự án thuộc nguồn vốn đầu tư của ngân sách trung ương, đã ghi trong kế hoạch nhưng chưa được bố trí vốn ngân sách trong năm.

Điều 29. Điều kiện phát hành

1. Công trình nằm trong danh mục đầu tư trọng điểm hàng năm của Chính phủ.

2. Phương án phát hành trái phiếu, kế hoạch sử dụng vốn vay và phương án hoàn trả nợ vay khi đến hạn được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Đề án do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng.

Điều 30. Phương thức phát hành

Trái phiếu công trình trung ương được phát hành theo phương thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, đấu thầu hoặc bảo lãnh phát hành.

Điều 31. Đối tượng mua trái phiếu

Đối tượng mua trái phiếu công trình trung ương được thực hiện như đối với trái phiếu kho bạc quy định tại Điều 24 của Nghị định này.

Điều 32. Lãi suất trái phiếu

Lãi suất trái phiếu công trình trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trên cơ sở tình hình thực tế của thị trường tài chính tại thời điểm phát hành. Trường hợp đấu thầu lãi suất thì lãi suất hình thành theo kết quả đấu thầu.

Điều 33. Sử dụng và thanh toán

1. Các khoản vay từ trái phiếu công trình trung ương được tập trung vào ngân sách trung ương để chi cho công trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngân sách trung ương bảo đảm việc thanh toán gốc, lãi và phí đối với trái phiếu công trình trung ương.

2. Việc tổ chức thanh toán gốc, lãi trái phiếu công trình trung ương khi đến hạn được thực hiện như đối với trái phiếu kho bạc quy định tại Điều 27 của Nghị định này.

Mục IV. TRÁI PHIẾU ĐẦU TƯ

Điều 34. Tổ chức phát hành và mục đích sử dụng

Trái phiếu đầu tư là loại trái phiếu Chính

phủ, có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do các tổ chức tài chính nhà nước, các tổ chức tài chính, tín dụng được Thủ tướng Chính phủ chỉ định phát hành nhằm huy động vốn để đầu tư theo chính sách của Chính phủ.

Điều 35. Nguyên tắc phát hành

1. Phát hành riêng cho từng mục tiêu kinh tế.

2. Tổng mức phát hành không vượt quá chỉ tiêu được Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho từng mục tiêu kinh tế hoặc cho từng năm cụ thể.

3. Phương án phát hành được Bộ Tài chính thẩm định.

4. Mức phát hành, thời điểm phát hành, mệnh giá, kỳ hạn của trái phiếu do tổ chức phát hành thống nhất với Bộ Tài chính thực hiện.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trần lãi suất phát hành trái phiếu.

Điều 36. Phương thức phát hành, đối tượng mua trái phiếu

Phương thức phát hành, đối tượng tham gia mua trái phiếu đầu tư được thực hiện như trái phiếu công trình trung ương quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Nghị định này.

Điều 37. Lãi suất trái phiếu

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định lãi

suất trần của trái phiếu đầu tư cho từng thời kỳ trên cơ sở tình hình thực tế của thị trường tài chính và nhu cầu huy động vốn của các tổ chức phát hành. Trường hợp đấu thầu lãi suất thì lãi suất được hình thành theo kết quả đấu thầu trong giới hạn trần đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Điều 38. Sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu

Tiền thu từ phát hành trái phiếu đầu tư phải được theo dõi riêng và chỉ sử dụng cho mục tiêu kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 39. Thanh toán trái phiếu

1. Tổ chức phát hành có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi các trái phiếu đầu tư đã phát hành đến hạn thanh toán và các chi phí liên quan đến việc tổ chức phát hành, thanh toán.

2. Ngân sách nhà nước thanh toán một phần hay toàn bộ lãi trái phiếu hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất cho tổ chức phát hành theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với từng mục tiêu kinh tế cụ thể.

Mục V. TRÁI PHIẾU NGOẠI TỆ

Điều 40. Tổ chức phát hành và mục đích sử dụng

Trái phiếu ngoại tệ là loại trái phiếu

Chính phủ, có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do Bộ Tài chính phát hành cho các mục tiêu theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 41. Đồng tiền phát hành

1. Đồng tiền phát hành là ngoại tệ tự do chuyển đổi.

2. Loại ngoại tệ cụ thể của từng đợt phát hành do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phù hợp với nhu cầu sử dụng.

Điều 42. Phương thức phát hành và đối tượng mua

1. Bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước:

a) Đối tượng mua trái phiếu ngoại tệ được áp dụng như đối tượng mua trái phiếu kho bạc quy định tại Điều 20 của Nghị định này.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định địa bàn phát hành trái phiếu ngoại tệ theo phương thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

2. Đấu thầu qua Ngân hàng Nhà nước:

a) Đối tượng tham gia đấu thầu trái phiếu ngoại tệ là các tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Ngân hàng Nhà nước làm đại lý cho Bộ Tài chính trong việc phát hành và thanh toán trái phiếu ngoại tệ.

Điều 43. Nguyên tắc phát hành

1. Trái phiếu ngoại tệ được phát hành theo từng đợt. Bộ Tài chính xây dựng

phương án phát hành cụ thể từng đợt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Khối lượng và cơ cấu phát hành mỗi đợt phải phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn theo các mục tiêu chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thời điểm phát hành, đồng tiền phát hành, mức phát hành, lãi suất, mệnh giá, kỳ hạn của trái phiếu ngoại tệ.

Điều 44. Sử dụng và thanh toán trái phiếu ngoại tệ

1. Ngoại tệ thu từ phát hành trái phiếu được sử dụng cho các mục tiêu theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngân sách nhà nước thanh toán (gốc, lãi) trái phiếu ngoại tệ đến hạn.

Trường hợp ngoại tệ thu được từ phát hành trái phiếu được bán cho Ngân hàng Nhà nước để tăng dự trữ ngoại hối của Nhà nước thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm bán lại ngoại tệ cho Bộ Tài chính để thanh toán gốc, lãi trái phiếu ngoại tệ khi đến hạn.

3. Bộ Tài chính quy định cụ thể mức phí phát hành và thanh toán trái phiếu ngoại tệ.

Mục VI. CÔNG TRÁI XÂY DỰNG TỔ QUỐC

Điều 45. Tổ chức phát hành và mục đích sử dụng

Công trái xây dựng Tổ quốc do Chính phủ phát hành nhằm huy động nguồn vốn trong nhân dân để đầu tư xây dựng những công trình quan trọng quốc gia và các công trình thiết yếu khác phục vụ sản xuất, đời sống, tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho đất nước.

Điều 46. Phát hành công trái xây dựng Tổ quốc

Công trái xây dựng Tổ quốc được phát hành theo các quy định tại Pháp lệnh số 12/1999/PL-UBTVQH10 ngày 27 tháng 4 năm 1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phát hành công trái xây dựng Tổ quốc.

Chương III

TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Điều 47. Tổ chức phát hành và mục đích sử dụng

Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh là loại trái phiếu có kỳ hạn từ 01 năm trở lên, do các doanh nghiệp phát hành nhằm huy động vốn cho các dự án đầu tư theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 48. Điều kiện phát hành

1. Tổ chức phát hành là doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ chỉ định làm chủ đầu tư các dự án của Nhà nước.

2. Dự án đầu tư đã hoàn thành thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Được Thủ tướng Chính phủ cho phép phát hành trái phiếu để huy động vốn đầu tư cho các dự án.

4. Được bảo lãnh thanh toán theo quy định tại Điều 50 của Nghị định này.

5. Phương án phát hành, sử dụng và hoàn trả vốn vay được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Điều 49. Nguyên tắc phát hành

1. Trái phiếu được phát hành cho từng công trình cụ thể.

2. Tổng giá trị trái phiếu phát hành cho một công trình không vượt quá tổng giá trị công trình. Mức phát hành cụ thể cho từng công trình theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Không phát hành trái phiếu mới để thanh toán các trái phiếu đến hạn.

4. Kế hoạch phát hành, thời điểm phát hành, kỳ hạn của trái phiếu do chủ thể phát hành thống nhất với Bộ Tài chính.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trần lãi suất cho từng đợt phát hành trái phiếu.

Điều 50. Bảo lãnh thanh toán

1. Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ bảo lãnh thanh toán hoặc ủy quyền cho

các tổ chức tài chính nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện.

2. Mức bảo lãnh thanh toán tối đa bằng 100% giá trị (gốc, lãi) trái phiếu phát hành.

3. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải trả cho tổ chức bảo lãnh thanh toán một khoản phí bảo lãnh tối đa là 0,05%/năm tính trên số tiền đang bảo lãnh. Phí bảo lãnh được tính vào giá trị công trình đối với công trình đang trong giai đoạn đầu tư và được tính vào chi phí hoạt động đối với công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

4. Tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm dàn xếp phương án vốn để thanh toán trái phiếu đến hạn cho doanh nghiệp phát hành khi doanh nghiệp không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán.

Điều 51. Phương thức phát hành

Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được phát hành theo phương thức đấu thầu, bảo lãnh hoặc đại lý phát hành, được niêm yết trên thị trường chứng khoán và được lưu ký tập trung tại các tổ chức lưu ký.

Điều 52. Đối tượng mua trái phiếu

Đối tượng tham gia mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện như đối với trái phiếu kho bạc quy định tại Điều 24 của Nghị định này.

Điều 53. Lãi suất trái phiếu

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định lãi suất trần cho từng đợt phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh trên cơ sở tình hình thực tế của thị trường tài chính tại thời điểm phát hành. Lãi suất trái phiếu phát hành dưới hình thức đấu thầu là lãi suất hình thành qua kết quả đấu thầu.

Điều 54. Sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu

Toàn bộ số thu về phát hành trái phiếu được sử dụng cho dự án đã được chỉ định. Số thu về phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phải hạch toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, phải được sử dụng đúng mục đích dự án đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo Bộ Tài chính.

Điều 55. Thanh toán trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn thanh toán bằng các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp.

2. Trường hợp tổ chức bảo lãnh phải dàn xếp phương án vốn để thanh toán trái phiếu đến hạn thì doanh nghiệp phải có trách nhiệm nhận nợ và thanh toán lại cho tổ chức bảo lãnh theo đúng các điều kiện đã cam kết.

3. Chi phí phát hành trái phiếu được tính vào giá trị dự án đầu tư bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu.

*Chương IV***TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG**

Điều 56. Tổ chức phát hành và mục đích sử dụng

Trái phiếu chính quyền địa phương là loại trái phiếu đầu tư có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức tài chính, tín dụng trên địa bàn phát hành, nhằm huy động vốn cho các dự án, công trình thuộc nguồn vốn đầu tư của ngân sách địa phương, đã ghi trong kế hoạch nhưng chưa được bố trí vốn ngân sách trong năm.

Điều 57. Điều kiện phát hành

1. Dự án, công trình thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch đầu tư 05 năm đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Phương án phát hành trái phiếu, kế hoạch sử dụng vốn vay và phương án hoàn trả nợ vay khi đến hạn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân thông qua và được Bộ trưởng Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

3. Có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức tài chính, tín dụng

trên địa bàn chịu trách nhiệm phát hành, thanh toán trái phiếu.

Điều 58. Giới hạn tổng số phát hành

Giới hạn tối đa tổng số vốn huy động bằng trái phiếu chính quyền địa phương được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 59. Phương thức phát hành

Trái phiếu Chính quyền địa phương được phát hành theo phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành.

Điều 60. Đối tượng mua trái phiếu

Đối tượng tham gia mua trái phiếu Chính quyền địa phương được thực hiện như đối với trái phiếu Kho bạc quy định tại Điều 24 của Nghị định này.

Điều 61. Lãi suất trái phiếu

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giới hạn biên độ lãi suất của trái phiếu Chính quyền địa phương so với lãi suất trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lãi suất cụ thể cho từng loại kỳ hạn và từng phương thức phát hành trên cơ sở giới hạn biên độ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định và mặt bằng lãi

suất thực tế của trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn tại thời điểm phát hành.

Trường hợp đấu thầu lãi suất thì lãi suất được hình thành theo kết quả đấu thầu trong phạm vi mặt bằng lãi suất thực tế của trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn tại thời điểm phát hành cộng giới hạn biên độ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Điều 62. Sử dụng và thanh toán

1. Các khoản vay từ trái phiếu Chính quyền địa phương được ghi thu vào ngân sách cấp tỉnh để chi cho công trình đã được phê duyệt.

2. Ngân sách cấp tỉnh có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi và các chi phí liên quan đến việc tổ chức phát hành, thanh toán trái phiếu Chính quyền địa phương.

3. Việc tổ chức thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính quyền địa phương khi đến hạn được thực hiện như đối với trái phiếu kho bạc quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

Điều 63. Đình chỉ phát hành

1. Các trường hợp bị đình chỉ phát hành:

a) Phương án phát hành, kế hoạch sử dụng vốn và phương án hoàn trả nợ vay khi đến hạn không khả thi;

b) Tổ chức phát hành không đúng với phương án được Bộ Tài chính thẩm định;

c) Không tuân thủ giới hạn biên độ lãi suất do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;

d) Vượt giới hạn được phép phát hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Bộ Tài chính giám sát toàn bộ quá trình phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương. Trường hợp phát hiện sai phạm, Bộ Tài chính yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dừng phát hành, đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 64. Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn và giám sát việc phát hành, sử dụng, thanh toán các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

2. Xây dựng phương án phát hành trái phiếu công trình trung ương để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Tổ chức việc phát hành trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình trung ương, trái phiếu ngoại tệ và công trái xây dựng Tổ quốc theo quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Thẩm định phương án và giám sát

toàn bộ quá trình phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương. Đình chỉ phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 63 của Nghị định này.

5. Thỏa thuận với các tổ chức phát hành về phương án phát hành, kế hoạch triển khai đối với trái phiếu đầu tư của Chính phủ và trái phiếu công trình được Chính phủ bảo lãnh.

6. Quyết định lãi suất trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình trung ương; quyết định lãi suất trần của trái phiếu đầu tư, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; quyết định giới hạn biên độ lãi suất trái phiếu Chính quyền địa phương.

Điều 65. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức đấu thầu tín phiếu kho bạc, trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ qua Ngân hàng Nhà nước.

2. Tham gia với Bộ Tài chính trong việc xác định lãi suất trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

3. Tổ chức mua lại nguồn ngoại tệ thu được từ việc phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối của Nhà nước và bán ngoại tệ cho Bộ Tài chính để thanh toán tiền gốc và lãi trái phiếu bằng ngoại tệ khi đến hạn.

4. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu đầu tư theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 66. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức phát hành trái phiếu Chính phủ thông qua hình thức đấu thầu tại thị trường chứng khoán.

2. Quản lý và giám sát các hoạt động niêm yết và giao dịch trái phiếu qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung.

Điều 67. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương

1. Lập phương án phát hành trái phiếu, kế hoạch hoàn trả vốn vay trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và gửi Bộ Tài chính thẩm định.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương theo phương án được Bộ Tài chính thẩm định.

3. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn và thu hồi vốn vay từ phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương.

4. Cân đối ngân sách cấp tỉnh để bảo đảm nguồn thanh toán trái phiếu khi đến hạn.

Điều 68. Các Tổ chức phát hành trái phiếu

1. Lập phương án phát hành, kế hoạch triển khai phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu khi đến hạn.

3. Định kỳ báo cáo Bộ Tài chính kết quả phát hành và thanh toán trái phiếu.

Điều 69. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nghị định này, tùy theo hành vi và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 01/2000/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2000 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế phát hành trái phiếu Chính phủ.

Điều 71. Trách nhiệm hướng dẫn

Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn Nghị định này.

Điều 72. Trách nhiệm thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 247/2003/QĐ-TTg ngày 19/11/2003 về chế độ ăn định lượng đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đảm nhiệm công việc đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm hoặc nặng nhọc, nguy hiểm trong lực lượng Công an nhân dân.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 25/CP ngày 23